

Số: 03/2018/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số mức chi từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
KHÓA IX - KỶ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

*Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số mức chi từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, gồm: mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình

giảm nghèo bền vững; kinh phí xây dựng và quản lý dự án; hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 2. Mức hỗ trợ, thời gian thực hiện**

#### 1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a; trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, như sau:

- Mức hỗ trợ tối đa cho một dự án/mô hình trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển là 300 triệu đồng. Mức hỗ trợ tối đa cho một dự án/mô hình trên địa bàn xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 theo định mức phân bổ kinh phí quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Mỗi dự án/mô hình phải có tối thiểu 10 hộ tham gia.

- Mức hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án/mô hình (mức hỗ trợ bằng nhau):

+ Tối thiểu 7.000.000 đồng/hộ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo sinh sống ở địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển;

+ Tối thiểu 5.000.000 đồng/hộ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo sinh sống ở các địa bàn khác.

Tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án không vượt quá mức hỗ trợ tối đa cho một dự án/mô hình nêu trên; mỗi hộ chỉ được hỗ trợ 1 lần.

b) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở ấp, mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Đối với Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ

sản phẩm. Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, tùy theo ngân sách được bố trí hàng năm, để đảm bảo thời gian thực hiện, giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định loại mô hình, quy mô mô hình, mức hỗ trợ đầu tư, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình và các nội dung chi thực hiện mô hình và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp gần nhất.

d) Hỗ trợ xây dựng và quản lý dự án: bằng 5% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án, mô hình.

đ) Hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo cho Ủy ban nhân dân các xã có thực hiện lồng ghép Chương trình giảm nghèo bền vững:

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: 2.000.000 đồng/xã/năm;
- Xã thuộc địa bàn khác: 1.500.000 đồng/xã/năm.

2. Thời gian thực hiện: từ năm 2018 - 2020.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa IX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

#### **Nơi nhận:**

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.65

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Danh**